

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 05/2023/DSPT

Ngày: 22/02/2023

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quế.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Minh Lý và ông Lê Quý My

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thúy Linh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:
Bà Đỗ Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 71/2022/TLPT-DS ngày 31 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2022/DSST ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 84/QĐPT-DS ngày 01 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lý Thị X, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Xóm TT, xã TX, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên (có mặt tại phiên tòa).

2. Đồng bị đơn:

2.1. Ông Dương Văn K, sinh năm 1960;

2.2. Ông Chu Văn T, sinh năm 1965;

Đều trú tại: Xóm TT, xã TX, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên (đều có mặt tại phiên tòa).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nông Thị Đ, sinh năm 1962 (vợ ông K vắng mặt);

Địa chỉ: Xóm TT, xã TX, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên.

Bà Đ ủy quyền cho ông Dương Văn K, sinh năm 1960;

Địa chỉ: Xóm TT, xã TX, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên (ông K có mặt tại phiên tòa).

3.2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1965 (vợ ông T);

Địa chỉ: Xóm TT, xã TX, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên (có mặt tại phiên tòa).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Lý Thị X: Ông Nguyễn Văn T - Luật sư, thuộc công ty luật TNHH DV - Đoàn luật sư thành phố Hà Nội (có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn bà Lý Thị X trình bày: Nguồn gốc đất mà gia đình ông K, ông T tranh chấp với gia đình bà là do gia đình bà khai phá để trồng lúa nương và sản từ năm 1986 - 1989. Sau đó gia đình bà để cây rừng mọc tự nhiên. Năm 2006 gia đình bà được giao đất Lâm nghiệp, đất rừng tự nhiên. Năm 2013 gia đình bà được UBND huyện Võ Nhai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 38, tờ bản đồ địa chính số 01 xã TX, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên, có diện tích là 44.087m².

Phía Bắc giáp thửa số 21, tờ bản đồ số 01 của ông Dương Văn K;

Phía Tây giáp thửa số 31, tờ bản đồ số 01 của bà Nguyễn Thị C;

Phía Tây Nam giáp thửa số 64, tờ bản đồ số 01 của bà Chu Thị T;

Phía Đông Nam giáp thửa số 56, tờ bản đồ số 01 của ông Chu Văn M;

Phía Đông giáp với thửa số 37, tờ bản đồ số 01 của ông Chu Văn T và thửa số 27 của bà Nguyễn thị C.

Tháng 02 năm 2016 gia đình bà phát hiện hai ông là ông Dương Văn K và ông Chu Văn T lấn chiếm sang đất của gia đình bà, ông T lấn khoảng từ 2000 m² - 3000 m²; ông K lấn chiếm hết. Bà đã sang nhà ông K và ông T để giải quyết nhưng hai ông không nghe. Sau đó bà làm đơn yêu cầu UBND xã TX hòa giải nhưng không thành. Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai giải quyết cho gia đình bà được canh tác, sử dụng đất và buộc ông Dương Văn K, ông Chu Văn T trả lại phần đất trên cho bà.

Bị đơn ông Dương Văn K trình bày: Năm 2006 ông được nhà nước giao đất giao rừng để sản xuất và phát triển kinh tế. Năm 2013 ông được UBND huyện Võ Nhai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa số 21, tờ bản đồ số 01 có diện tích 77.170,7 m², mục đích sử dụng đất có rừng trồng sản xuất. Trên thửa đất này bà Lý Thị Xuân chưa bao giờ canh tác. Năm 2016 khi nhà nước có dự án hỗ trợ trồng rừng, ông làm đơn xin dự án hỗ trợ trồng cây keo. Trước khi tiến hành phát để trồng rừng thì cán bộ Lâm nghiệp của UBND xã TX cùng với Kiểm Lâm huyện võ Nhai đến thửa đất của ông để kiểm tra và thẩm định lại thì ông mới tiến hành phát và trồng cây. Sau khi trồng cây xong thì bà X cho rằng ông lấn chiếm sang đất của bà X nên bà X làm đơn khởi kiện. Sau đó UBND xã TX tiến hành xác minh và xác định thửa đất số 38 tờ bản đồ số 01 của bà X không liên quan đến thửa đất số 21, tờ bản đồ số 01 của ông. Nay bà X yêu cầu ông trả lại phần diện tích ông đang sử dụng ông không nhất trí.

Bị đơn ông Chu Văn T trình bày: Ông có mảnh đất khu “Dọ Cóm” nay thuộc xóm TT, xã TX, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên. Trước đây bố mẹ ông đã canh tác từ khoảng năm 1980 - 1984 có trồng khoai, sắn trên thửa đất này. Từ năm 1984 đến năm 1995 ông trồng ngô và chăm sóc cây gỗ tạp, thì Lâm trường triển khai dự án 327, cử cán bộ về đo đất thiết kế trồng rừng, diện tích đất hiện nay ông đang sử dụng khi đó đo đạc có diện tích 1,88 ha. Ông trồng các loại cây như: Mỡ, Trám, Bò Đẻ trên đất. Năm 1996 có dự án 264 Lâm trường lại đo đất thiết kế trồng rừng, diện tích khi đó đo được là 1,42 ha. Ông sử dụng ổn định và không tranh chấp với ai, ông đã trồng cây và được khai thác nhiều lần. Năm 2015 ông phát dọn bãi để trồng cây Keo. Khi trồng keo xong thì bà X cho rằng ông đã lấn chiếm sang đất của bà khoảng 2000m² thuộc thửa số 38, tờ bản đồ số 01 của bà X. Nay bà X khởi kiện yêu cầu ông phải trả lại cho bà X 2000m² đất, ông không đồng ý vì đất đây không phải của bà X.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Bà Nông Thị Đ là vợ của ông K nhất trí với ý kiến của ông K
- Bà Nguyễn Thị T là vợ của ông T nhất trí với ý kiến của ông T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Lý Thị X trình bày: Nguyên đơn bà Lý thị X đã cung cấp cho Tòa án toàn bộ các giấy tờ liên quan đến khu đất tranh chấp, căn cứ vào các chứng cứ nguyên đơn cung cấp ông khẳng định diện tích tranh chấp thuộc lô 38 tờ bản đồ số 1 tổng diện tích 44.087m² bà X đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì vậy đề nghị ông K và ông T phải trả lại cho bà X toàn bộ diện tích đất đã lấn chiếm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nông Thị Đ trình bày: Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định diện tích đất tranh chấp giữa bà X với ông K, ông T không nằm trong lô 38 tờ bản đồ số 01 mà bà X đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà X.

Với nội dung nêu trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 08/2022/DSST ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử và quyết định:

Căn cứ các Điều 26; 35; 39; 147; 157; 158; 165; 166 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 203 Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị X đòi quyền sử dụng đất đối với ông Dương Văn K và ông Chu Văn T vì diện tích khu đất tranh chấp ông Dương Văn K và ông Chu Văn T đang sử dụng không nằm trong thửa đất số 38, tờ bản đồ địa chính số 01 xã TX, huyện Võ Nhai, tỉnh TN, có diện tích là

44.087 m² của bà Lý Thị X đã được UBND huyện Võ Nhai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2013.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lý Thị X phải chịu 38.950.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí bà X đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Võ Nhai theo biên lai số 0007478 ngày 17 tháng 7 năm 2019. Bà X còn phải nộp 38.650.000đ (ba mươi tám triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Về chi phí tố tụng: Bà Lý Thị X phải chịu toàn bộ tiền chi phí tố tụng bao gồm: Tiền xem xét thẩm định và tiền định giá tài sản theo đơn yêu cầu xem xét thẩm định của bà X (đã thu và chi hết).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/9/2022 bà Lý Thị X kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Lý Thị X vẫn giữ nguyên nội dung đã kháng cáo.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và nghe lời trình bày của các đương sự; Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà X; Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Lý Thị X khởi kiện đòi ông Dương Văn K và ông Chu Văn T trả lại quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 38, tờ bản đồ địa chính số 01 xã TX, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên, có diện tích là 44.087m². Trước hết xem xét ông K và ông T là những người đang sử dụng diện tích đất mà bà X cho rằng của bà X đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì thấy rằng: Quá trình xem xét, thẩm định toàn bộ phần diện tích đất đang tranh chấp giữa bà Lý Thị X với ông Dương Văn K và ông Chu Văn T do chính bà X và các hộ đi chỉ ranh giới. Công ty trách nhiệm hữu hạn Hà Nguyên Châu đo đạc và cung cấp thì thể hiện tổng diện tích đất tranh chấp là 51.493,1 m² không nằm trong thửa đất số 38, tờ bản đồ địa chính số 01 xã TX, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên, có diện tích là 44.087m², mà bà X đã được cấp quyền sử dụng đất năm 2013. Toàn bộ diện tích đất đang tranh chấp nằm trong các thửa số 28; 43; 51; 35 đều thuộc tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính xã TX, cụ thể như sau:

- + Thửa số 28, tờ bản đồ số 01, diện tích 38762,2m².
- + Thửa số 43, tờ bản đồ số 01, diện tích 3743,4m²
- + Thửa số 51, tờ bản đồ số 01, diện tích 8651,1m²
- + Thửa số 35, tờ bản đồ số 01, diện tích 336,4m².

Tổng diện tích đất ông K đang sử dụng là 49.795,3 m² trên đất có 8.032 cây keo và 482 cây bạch đàn có đường kính gốc khoảng từ 10- 15 cm. Tổng diện tích đất ông T sử dụng là 1.697,3 m² trên đất có 272 cây keo có đường kính gốc

khoảng từ 10- 15 cm. Tại công văn số 1031/CV-CNVPĐK ngày 20/6/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Võ Nhai trả lời các thửa đất số 28; 35; 43; 51 tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính xã TX thì UBND huyện Võ Nhai chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cá nhân nào, mặt khác thửa số 38 của bà X giáp với thửa số 21, 27, 31, 37, 56, 64 hoàn toàn khác với diện tích đất mà ông K và ông T đang sử dụng thuộc thửa số 28; 35; 43; 51. Thực tế thửa số 38 của bà X được cấp quyền sử dụng đất năm 2013 hiện nay do gia đình ông K và ông H đang sử dụng, nếu bà X và gia đình ông K và ông H có tranh chấp thì sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

[2] Như vậy vị trí đất bà X được UBND huyện Võ Nhai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 38, tờ bản đồ địa chính số 01 xã TX, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên, có diện tích là 44.087m² không trùng với vị trí đất mà bà X khởi kiện và chỉ dẫn nên không thuộc quyền sử dụng của bà X. Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà X là có căn cứ. Bà X kháng cáo nhưng không có căn cứ chấp nhận nên bác kháng cáo của bà X giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án huyện Võ Nhai.

[3] Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà X cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa những người có thửa đất giáp với thửa số 38 của bà X vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng về nội dung diện tích đất mà ông K và ông T đang lấn chiếm sử dụng là của bà X đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm là không có căn cứ như đã phân tích nêu trên.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Bác kháng cáo của bà Xuân, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308; Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 203 luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Không chấp nhận kháng cáo của bà Lý Thị X, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 08/2022/DSST ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị X đòi quyền sử dụng đất đối với ông Dương Văn K và ông Chu Văn T vì diện tích khu đất tranh chấp mà ông Dương Văn K và ông Chu Văn T đang sử dụng không nằm trong thửa

đất số 38, tờ bản đồ địa chính số 01 xã TX, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên, có diện tích là 44.087m² mà UBND huyện Võ Nhai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2013 cho bà Lý Thị X (có bản trích đo kèm theo bản án).

2. Về chi phí tố tụng: Bà Lý Thị X phải chịu toàn bộ tiền chi phí tố tụng bao gồm: Tiền xem xét thẩm định tại chỗ và tiền định giá tài sản 6.000.000đ (sáu triệu đồng) đã thu và chi phí hết.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lý Thị X phải chịu 38.950.000đ (ba mươi tám triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí bà X đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Võ Nhai theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007478 ngày 17 tháng 7 năm 2019. Bà X còn phải nộp 38.650.000đ (ba mươi tám triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

3.2. Án phí phúc thẩm: Bà Lý Thị X phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận bà X đã nộp đủ án phí phúc thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số 0004980 ngày 03/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Võ Nhai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND huyện Võ Nhai
- Chi cục THADS huyện Võ Nhai;
- UBND huyện Võ Nhai;
- UBND xã Tràng Xá;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; Tòa dân sự.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Quế